TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08/01/2021
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Đông và bà Lã Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị May - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà*:** Bà Hoàng Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Toà án, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2020/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn*:** Chị **Phạm Thị L**, sinh năm 1979. HKTT: Thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương. Chỗ ở hiện nay: đường T, phường Đ, quận A, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972. HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc với tòa án, nguyên đơn- chị Phạm Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn năm 1999 tại UBND xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng khoảng 3 năm thì ra Hải Phòng thuê nhà trọ làm ăn sinh sống. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được vài năm đầu sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau trong cuộc sống. Anh T thường xuyên uống rượu, đánh chửi vợ con, thậm chí còn chửi cả bố mẹ chị. Anh không có trách nhiệm cùng chị tập trung xây dựng kinh tế gia đình. Chị cũng đã nhẫn nhịn chịu đựng

nhưng anh T không thay đổi, không yêu thương vợ con mà còn đuổi chị ra khỏi nhà. Chị và các con phải đi thuê chỗ khác ở không chung sống cùng anh T từ tháng 3/2020. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được, đề nghị HĐXX giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có hai con chung: Nguyễn Thị M, sinh ngày 14/3/2000 và Nguyễn Kiến V, sinh ngày 04/10/2007, hiện đang ở cùng chị. Khi ly hôn, nguyện vọng của chị là cháu M đã trên 18 tuổi trưởng thành nên không đề nghị giải quyết việc nuôi dưỡng. Đối với cháu V chị tôn trọng ý kiến của cháu Văn. Trường hợp cháu V xin ở với bố chị cũng nhất trí. Tuy nhiên cháu V có nguyện vọng xin ở với chị nên chị đề nghị HĐXX giao con chung Nguyễn Kiến V cho chị trực tiếp nuôi nuôi dưỡng, chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi cháu V. Chị cam kết đảm bảo cuộc sống của con chung.

Về tài sản chung, nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình làm việc với Tòa án, bị đơn- anh Nguyễn Văn T trình bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn và quá trình chung sống như chị L trình bày là đúng.

Anh xác định nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không hợp nhau về lối sống, cách cư xử. Chị L không có sự quan tâm chia sẻ với anh trong những lúc khó khăn, mà chỉ biết hưởng thụ. Chị thường có lời lẽ, thái độ chê bai, nói xấu anh và so sánh kinh tế gia đình mình với gia đình người khác làm anh rất bức xúc. Trong thời gian anh không đi làm, không có thu nhập nhưng chị L không đưa tiền cho anh lo chi phí, trang trải cuộc sống gia đình. Bên cạnh đó lại phải lo cho con gái lớn học đại học nên kinh tế gia đình càng khó khăn, thiếu thốn. Xuất phát từ những nguyên nhân đó mà vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, to tiếng với nhau làm ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình. Anh và chị L đã sống ly thân từ tháng 3/2020 đến nay mỗi người ở một nơi, kinh tế độc lập không còn liên quan đến nhau. Anh đã nhiều lần tìm chị về đoàn tụ nhưng chị L cương quyết không quay lại chung sống cùng anh. Chị L xin ly hôn, nguyện vọng của anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái, trường hợp chị L vẫn cương quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị L có hai con chung như chị L đã trình bày. Trường hợp ly hôn, anh đồng ý với một phần ý kiến của chị L là con chung Nguyễn Thị M đã trên 18 tuổi trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng. Đối với con chung Nguyễn Kiến V, anh có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi

con chung. Mặc dù anh biết cháu V có nguyện vọng xin ở với mẹ, tuy nhiên anh vẫn xin được nuôi dưỡng bởi cháu V là con trai đang tuổi trưởng thành, cần có sự kèm cặp, giáo dục của người bố giành cho con trai. Chị L đi làm cả ngày không có thời gian kèm cặp, giám sát con, trong khi một mình cháu V sinh hoạt, tiếp xúc ở môi trường xã hội phức tạp. Anh sợ con mải chơi, chểnh mảng việc học hành sẽ ảnh hưởng đến sự phát triển của con. Anh cam kết có đủ điều kiện nuôi dưỡng con và không cản trở chị L thăm nom con chung.

Về tài sản chung, nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xác định việc thụ lý đơn, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L: Cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn T. Giao cho chị Phạm Thị L trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Kiến V, sinh ngày 04/10/2007 kể từ tháng 01/2021 đến khi cháu V đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L, anh T không đề nghị giải quyết về tài sản nên không xem xét giải quyết. Chị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tháng 7/2020, chị L khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn T, thời điểm đó mặc dù anh, chị có hộ khẩu thường trú tại xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương nhưng anh T là bị đơn đang sinh sống, làm việc tại Chợ L, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Tòa án nhân dân huyện Bình Giang đã chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận Hải An giải quyết theo thẩm quyền. Sau khi Tòa án nhân dân quận Hải An làm việc với anh T, anh T trình bày đã về quê tại xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương sinh sống. Tòa án quận Hải An chuyển lại hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang thụ lý, giải quyết là đúng theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã L, huyện B, tỉnh Hải Dương tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự

nguyện, không vi phạm điều cấm của luật nên là hôn nhân hợp pháp. Chị L, anh T đều thừa nhận vài năm gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về lối sống, không quan tâm, chia sẻ, tôn trọng nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 3/2020 đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng: tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau... Như vậy, việc anh chị đã không chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ tháng 3/2020 đến nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị L ly hôn anh T.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị L, anh T có hai con chung là Nguyễn Thị M, sinh ngày 14/3/2000 và Nguyễn Kiến V, sinh ngày 04/10/2007, hiện đang ở cùng chị L. Chị L, anh T đều xác định con chung Nguyễn Thị M đã trên 18 tuổi trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng. Đối với con chung Nguyễn Kiến V. Anh T và chị L đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng. Anh T hiện nay có chỗ ở, việc làm và thu nhập ổn định. Chị L hiện đang thuê nhà trọ và làm nghề tự do, thu nhập từ 7 đến 8 triệu đồng/tháng. Tuy nhiên, hiện tại cháu V đang ở cùng chị L, quen với sự chăm sóc của mẹ và đang theo học ổn định tại Trường THCS Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; cháu V có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, tránh làm xáo trộn cuộc sống sinh hoạt và học tập của con cũng như đảm bảo cho việc thi hành án, cần giao con chung Nguyễn Kiến V cho chị Phạm Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế của các bên đương sự. Chị L tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, chị cam kết đảm bảo cuộc sống của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ, công sức: Chị L, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị L khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị L.

1- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2- Về quan hệ con chung: Giao cho chị Phạm Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Kiến V, sinh ngày 04/10/2007 (hiện đang ở cùng chị L) từ tháng 01/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), đối trừ 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí AA/2017/0009476 ngày 02/7/2020.

4- Về quyền kháng cáo: Chị L, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã L, huyện B,
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Thanh Nam

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Lã Thị Nhung

Nguyễn Đức Đông

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Nam